

Bản án số: 86/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 28 - 02 - 2023

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CP, TỈNH AG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Minh Chánh.

2. Bà Trương Thị Thu Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Quang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 36/2023/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Trương Thanh Q, sinh năm 1984; địa chỉ cư trú: Tổ 13, ấp BP, xã BC, huyện CP, tỉnh AG (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Chị Dương Thị Cẩm N, sinh năm 1989; địa chỉ cư trú: Tổ 17, ấp BP, xã BC, huyện CP, tỉnh AG (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 12/12/2022, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, anh Trương Thanh Q trình bày:

- Về hôn nhân: Anh Q và chị N tự nguyện tiến tới hôn nhân, bắt đầu chung sống vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BC ngày 11/10/2011. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc; tuy nhiên, thời gian dần về sau vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, đời sống chung không hòa hợp nên đã ly thân từ năm 2012 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh Q yêu cầu giải quyết cho ly hôn với chị N.

- Về con chung: Anh Q và chị N có 01 con chung tên Trương Thanh H, sinh ngày 08/4/2011, đang chung sống với anh Q. Anh Q yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trương Thanh H, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại Đơn xin vắng mặt ngày 10/02/2023, chị Dương Thị Cẩm N trình bày:

- Về hôn nhân: Chị N và anh Q bắt đầu chung sống từ năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BC. Do vợ chồng sống không hợp nhau nên đã ly thân từ năm 2012 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể hàn gắn nên chị N đồng ý ly hôn với anh Q.

- Về con chung: Chị N và anh Q có 01 con chung tên Trương Thanh H, sinh ngày 08/4/2011, đang chung sống với gia đình anh Q. Chị N đồng ý giao cháu H cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng để cháu H tiếp tục chung sống với anh Q và ông bà nội, chị N không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa,

Anh Q và chị N đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, trong đó anh Q và chị N giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn; thống nhất giao con chung tên Trương Thanh H cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng; anh Q không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tranh chấp giữa các đương sự về việc ly hôn, bị đơn cư trú tại huyện CP, tỉnh AG nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Cả nguyên đơn và bị đơn đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1] Anh Q và chị N tự nguyện tiến tới hôn nhân và bắt đầu chung sống vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BC, huyện CP, tỉnh AG vào ngày 11/10/2011, nên hôn nhân giữa anh Q và chị N được pháp luật công nhận kể từ ngày đăng ký kết hôn; làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo Luật hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống, anh Q và chị N có phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên đã sống ly thân từ năm 2012 cho đến nay. Tòa án có tiến hành hòa giải để ghi nhận ý kiến, tạo điều kiện cho vợ chồng đoàn tụ nhưng chị N vắng mặt; cả anh Q và chị N đều yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn; cho đến nay vợ chồng vẫn không thể tự hàn gắn tình cảm.

[2.2] Xét thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; có nghĩa vụ sống chung với nhau. Tuy nhiên, giữa anh Q và chị N đã không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng theo

quy định của Luật hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh Q ly hôn với chị N theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Anh Q và chị N có 01 con chung tên Trương Thanh H, sinh ngày 08/4/2011, đang chung sống với anh Q. Anh Q và chị N thống nhất giao con chung tên Trương Thanh H cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng. Từ khi vợ chồng ly hôn năm 2012 cho đến nay thì cháu H chung sống với anh Q và gia đình; cháu H có nguyện vọng chung sống với anh Q. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu H cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Q không yêu cầu chị N cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không xem xét. Anh Q phải tạo điều kiện để chị N thực hiện quyền thăm nom con theo quy định pháp luật.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Q và chị N thống nhất không có nên Hội đồng xét xử không xem xét; trường hợp có tranh chấp sẽ được giải quyết trong vụ án khác.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Q phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh Q đã nộp. Chị N không phải chịu án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, Điều 19, Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho anh Trương Thanh Q ly hôn với chị Dương Thị Cẩm N.

2. Về con chung:

- Anh Trương Thanh Q và chị Dương Thị Cẩm N có 01 (Một) con chung tên Trương Thanh H, sinh ngày 08/4/2011, đang chung sống với anh Q. Anh Q được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trương Thanh H. Anh Q không yêu cầu chị N cấp dưỡng cho con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình của mình, không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ, người thân thích của con hoặc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Trương Thanh Q phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí anh Q đã nộp theo biên lai thu số 0005185 ngày 17 tháng 01 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CP, tỉnh AG.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Trương Thanh Q và chị Dương Thị Cẩm N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Châu Phú;
- CCTHADS huyện Châu Phú;
- UBND xã BC
- (khi có hiệu lực);
- Lưu H sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Duy Linh

